**SO SÁNH ĐIỂM GIỐNG NHAU VÀ KHÁC NHAU GIỮA THÔNG TƯ SỐ 133/2016/TT-BTC VÀ QUYẾT ĐỊNH 48/2006/QĐ-BTC**

**Nguyễn Thị Kim Hương**

Ngày 28/6/2016 Bộ Tài chính đã ban hành thông tư 133/2016/TT-BTC để hướng dẫn chế độ ghi chép kế toán cho các DN vừa và nhỏ thay thế quyết định 48/2006/QĐ-BTC. Thông tư này có hiệu lực áp dụng từ ngày 01/01/2017. Văn bản luật này không phủ định tất cả các nội dung của chế độ kế toán cũ mà chỉ điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các nội dụng. Vì vậy giữa 2 chế độ kế toán này vẫn có điểm giống nhau và có nhiều điểm khác nhau. Thấy rõ điểm giống nhau và khác nhau giữa các văn bản này sẽ giúp các Dn có sự điều chỉnh hợp lý trong công tác kế toán của mình.

**1. Giống nhau**

- Cả 2 văn bản này đều áp dụng cho các Dn vừa và nhỏ có:

+ Vố điều lệ nhỏ hơn 10 tỷ

+ Số lượng lao động bình quân trong năm nhỏ hơn 300 người

- Những TK cơ bản trong hệ thống TK

**2. Điểm khác nhau**

**a. Về chứng từ và sổ kế toán**

- Thông tư 133: DN được xây dựng hệ thống chứng từ và sổ kế toán phù hợp với quy định

- Quyết định 48: DN xây dựng hệ thống chứng từ và sổ kế toán theo mẫu quy định trong quyết định 48

**b. Nguyên tắc kế toán và bút toán định khoản**

Thông tư 133:

- Chỉ quy định nguyên tắc kế toán

- Không hướng dẫn chi tiết các bút toán định khoản. DN tự thực hiện bút toán ghi sổ sao cho phù hợp với quy trình luân chuyển chứng từ, quan hệ đối ứng kế toán và nội dung kế cấu của TK.

- DN tự lựa chọn đồng tiền ghi sổ khi đáp ứng được các tiêu chí mà văn bản này quy định;

- Dn được tự quyết định ghi hoặc không ghi doanh thu từ các giao dịch nội bộ mà không phụ thuộc chứng từ xuất ra;

- DN được tự quy định cho đơn vị hạch toán phụ thuộc ghi nhận khoản vốn nhận từ DN là nợ phải trả hoặc vốn đầu tư của chủ sở hữu;

- DN được lựa chọn biểu mẫu BCTC theo tính thanh khoản giảm dần hoặc phân biệt ngắn hạn dài hạn theo truyền thống…

Quyết định 48

- Quy định chi tiết các bút toán định khoản

- Ghi sổ theo đồng Việt Nam;

- Việc ghi nhận doanh thu từ các giao dịch nội bộ căn cứ vào các chứng từ xuất ra là Hóa đơn hoặc Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ;

- Quy định rõ biểu maauc BCTC và DN bắt buôc phải lập theo mẫu quy định.

c. Hệ thống TK

|  |  |
| --- | --- |
| **Thông tư 133** | **Quyết định 48** |
| **Tài khoản loại 1** | |
| Không có | TK 1113, 1123: Vàng bạc, kim khí quý, đá quý |
| TK 121: Chứng khoán Kinh doanh  TK 1211: Cổ Phiếu  TK 1212: Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu | TK 121: Đầu tư tài chính ngắn hạn |
| TK 128: Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn  TK 1281: Tiền gửi có kỳ hạn  1288: Đầu tư ngắn hạn khác | Không có |
| TK 136: Phải thu nội bộ  TK 1361: Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thộc  TK 1368: Phải thu nội bộ khác | Không có |
| TK 138: Phải thu khác  TK 1381: Tài sản thiếu chớ xử lý  TK 1386: Cầm cố, thế chấp, ký cược  TK 1388: Phải thu khác | TK 138: Phải thu khác  TK 1381: Tài sản thiếu chớ xử lý    TK 1388: Phải thu khác |
| Không có | TK 142: Chi phí trả trước ngắn hạn |
| TK 151: Hàng mua đang đi đường | Không có |
| Không có | TK 171: Giao dịch mua bán lại trái phiếu của chính phủ |
| **Tài khoản lại 2** | |
| Không có | TK 221: Đầu tư tài chính dài hạn:  2212: Vốn góp liên doanh  2213: Đầu tư vào công ty liên kết  2218: Đầu tư tài chính dài hạn khác |
| TK 229: Dự phòng tổn thất tài sản  TK 2291: Dự phòng giảm giá chứng khoán KD  TK 2292: Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác  TK 2293: Dự phòng phải thu khó đòi  TK 2294: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | TK 159: Các khoản dự phòng  TK 1591: Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn  TK 1592: Dự phòng phải thu khó đòi  TK 1593: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho  TK 229: Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn |
| TK 242: Chi phí trả trước | TK 242: Chi phí trả trước dài hạn |
| Không có | TK 244: Ký quỹ, ký cược dài hạn |
| **Tài khoản loại 3** | |
| Không có | TK 311: Vay ngắn hạn |
| Không có | TK 315: Nợ dài hạn đến hạn trả |
| TK 336: Phải trả nội bộ | Không có |
| TK 341: Vay và nợ thuê tài chính  TK 3411: Các khoản đi vay  TK 3412: Nợ thuê tài chính | TK 341: Vay, nợ dà hạn  TK 3411: Vay dài hạn  TK 3412: Nợ dài hạn  TK 3413: Trái phiếu phát hành  TK 34131: Mệnh giá trái phiếu  TK 34132: Chiết khấu trái phiếu  TK 3413: Phụ trội trái phiếu  TK 3414: Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn |
| TK 344: Nhận ký quỹ, ký cược |
| Không có | TK 351: Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm |
| TK352: Dự phòng phải trả  TK3521: Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa  TK 3522: Dự phòng bảo hành công trình xây dựng  TK 3523: Dự phòng tái cơ cấu DN  TK 3524: Dự phòng phải trả khác | TK 352: Dự phòng phải trả |